TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 4 - 2019
V/v: không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Cho
2. Bà Nguyễn Hoa Lài

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thành Đô – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị HK, sinh năm 1976 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp A, thị trấn BC, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;
Chỗ ở hiện nay: Ấp B, thị trấn BC, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
Bị đơn: Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1975 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A, thị trấn BC, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng 1234.
Địa chỉ: Ấp 10, thị trấn 100, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu D – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 25/12/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tô Thị HK trình bày: Bà với ông Nguyễn Hữu Th tiến đến hôn nhân trên cơ

sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương năm 1995, từ đó chung sống như vợ chồng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, ông Th không quan tâm lo lắng vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt rồi kiếm chuyện chửi, có lần đánh bà, bà không thể chịu đựng được nữa nên đã sống ly thân nhau khoảng 03 tháng nay, nhận thấy không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Th.

Về con chung: Có 03 người con chung Nguyễn Thành L (nam), sinh ngày 26/9/1998; Nguyễn Thị Ngọc H (nữ), sinh ngày 08/11/2000 và Nguyễn Thị HG (nữ), sinh ngày 17/5/2002. Do con chung Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Ngọc H đã trưởng thành có khả năng lao động để tự nuôi mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với Nguyễn Thị HG chưa thành niên nên bà yêu cầu giao cho bà được quyền nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có vay Ngân hàng 1234 (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 15.000.000 đồng, đã trả được 1.000.000 đồng, còn nợ 14.000.000 đồng. Do Ngân hàng không yêu cầu giải quyết nên bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Quá trình tố tụng ông Nguyễn Hữu Th trình bày: Thống nhất với bà K về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà K, mong được hàn gắn tình cảm vợ chồng, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 người con chung như bà K trình bày, ông đồng ý để bà K nuôi dưỡng Nguyễn Thị HG, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có vay Ngân hàng 1234 (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 15.000.000 đồng, đã trả được 1.000.000 đồng, còn nợ 14.000.000 đồng. Do Ngân hàng bà bà K không yêu cầu giải quyết nên ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Quá trình tố tụng ông Nguyễn Hữu D trình bày: Ông Nguyễn Hữu Th và Tô Thị HK có vay Ngân hàng số tiền 15.000.000 đồng, đã trả được 1.000.000 đồng, hiện còn nợ Ngân hàng 14.000.000 đồng, do số nợ chưa đến hạn và các bên có thể thỏa thuận được với nhau về phương án trả nợ nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng trước đó đã có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà K và ông Th là vợ chồng; về con chung giao cháu Nguyễn Thị HG cho bà K nuôi dưỡng, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung các bên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về nợ chung các bên đã tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác; về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đề nghị buộc bà K phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Tô Thị HK và ông Nguyễn Hữu Th do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà K yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Th nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hữu Th; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng 1234 vắng mặt nhưng đã có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng theo quy định pháp luật.

[3] Xét về giải quyết nội vung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà K và ông Th được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, mặc dù có đủ điều kiện, thời gian để đăng ký kết hôn nhưng bà K và ông Th chung sống với nhau như vợ chồng mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy, khi giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận bà K và ông Th là vợ chồng.

[3.2] Xét về con chung: Có cháu Nguyễn Thị HG chưa thành niên, bà K yêu cầu khi ly hôn bà được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng, ông Th đồng ý với yêu cầu này của bà K nên công nhận.

[3.3] Xét về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà K, ông Th và Ngân hàng tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên chưa giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc bà K phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị HK.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Tô Thị HK và ông Nguyễn Hữu Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của bà K và ông Th, giao cho bà K được quyền nuôi dưỡng Nguyễn Thị HG, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Hữu Th không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chưa yêu cầu nên chưa giải quyết, nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Tô Thị HK phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai số 0018620 ngày 25/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà K đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi đương sự cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Tâm